

Số: /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt thiết kế - dự toán công trình Trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang xây dựng dự án Trạm cắt 220 kV Đăk Ooc và các đường dây 220 kV đấu nối Nhà máy thủy điện Nam Emoun (Lào) vào hệ thống điện Việt Nam tại huyện Nam Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 25/2022/TT-BNN&PTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về các biện pháp lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 07/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về các biện pháp lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;

Căn cứ Công văn số 711/TTg-NN ngày 03/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 2291/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành đơn giá tiền lương lao động trực tiếp sản xuất trong lĩnh vực lâm nghiệp áp dụng tạm thời trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Xét đề nghị của Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Nam Giang tại Tờ trình số 47/TTr-BQL ngày 22/11/2023 về đề nghị phê duyệt thiết kế, dự toán công trình Trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang xây dựng dự án Trạm cắt 220 kV Đăk Ooc và các đường dây 220 kV đấu nối Nhà máy thủy điện Nam Emoun (Lào) vào hệ thống điện Việt Nam tại huyện Nam Giang; ý kiến của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 4372/SGTVT-KCHT ngày 28/11/2023, Sở Tài chính tại Công văn số 3929/STC-GCS ngày 01/12/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 3421/SKHĐT-TĐ DA ngày 01/12/2023;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 295/TTr-SNN&PTNT ngày 04/12/2023 (kèm theo Báo cáo số 299/BC-CCKL ngày 04/12/2023 của Chi cục Kiểm lâm).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế - dự toán công trình Trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang xây dựng dự án Trạm cắt 220 kV Đăk Ooc và các đường dây 220 kV đấu nối Nhà máy thủy điện Nam Emoun (Lào) vào hệ thống điện Việt Nam tại huyện Nam Giang, với các nội dung chính như sau:

1. Tên công trình, chủ đầu tư:

- Công trình Trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang xây dựng dự án Trạm cắt 220 kV Đăk Ooc và các đường dây 220 kV đấu nối Nhà máy thủy điện Nam Emoun (Lào) vào hệ thống điện Việt Nam tại huyện Nam Giang.

- Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Quảng Nam.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Nam Giang.

2. Địa điểm: Tiểu khu 259, xã Laêê, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

3. Mục tiêu:

Trồng rừng thay thế diện tích rừng bị chuyển đổi mục đích sử dụng sang mục đích khác để đảm bảo độ che phủ của rừng không bị suy giảm; hạn chế, giảm thiểu tối đa các tác động bất lợi của thiên nhiên đến môi trường sinh thái, biến đổi khí hậu; phát huy chức năng phòng hộ của rừng, đặc biệt là bảo vệ đất, giữ nước, chống xói mòn, điều hòa nguồn nước phục vụ tưới tiêu, sinh hoạt.

4. Quy mô và nội dung Dự án

- Quy mô: Tổng diện tích thiết kế trồng rừng là 7,186 ha.

- Nội dung: Thuyết minh thiết kế kỹ thuật trồng, chăm sóc rừng trồng cây bản địa (cây Lim xanh, Giổi ăn hạt).

5. Nội dung thiết kế kỹ thuật

5.1. Kỹ thuật trồng rừng

- Xử lý thực bì:

+ Xử lý thực bì theo băng, băng chặt 5,0 m, băng chừa 1,0 m; băng chặt được bố trí song song với đường đồng mức; trên băng chặt phát dọn sạch thực bì, chiều cao gốc chặt <10cm, chừa lại toàn bộ cây gỗ tái sinh mục đích có tiêu chí phòng hộ và cây gỗ (nếu có) trên lô thiết kế trồng rừng.

+ Thực bì phát dọn được gom thành dải dọc theo đường đồng mức và không được đốt.

- Làm đất: Cuốc hố được thực hiện sau khi xử lý thực bì, cuốc thực sâu, xới quanh hố trồng có đường kính từ 0,8 m -1,0 m, chiều sâu lát cuốc khoảng 10 cm, đào hố có kích thước 40 x 40 x 40 cm, loại bỏ sỏi, đá, rễ cây, tạp vật khác. Sau khi cuốc hố xong, vun toàn bộ đất tầng mặt, thực bì phân hủy xuống hố, bón lót 0,1 kg phân NPK vào hố, dùng cuốc xáo trộn đều với đất, sau đó lấp đất đầy hố, cao hơn mặt đất tự nhiên từ 3 - 5 cm, vun thành hình mâm xôi.

- Loài cây trồng: Lim xanh (*Erythrophleum fordii* Oliv), Giổi ăn hạt (*Michelia tonkinensis* A.Chev).

- Mật độ trồng: 1.333 cây/ha (hàng cách hàng: 3 m - cây cách cây 2,5 m).

- Phương thức trồng: Trồng hỗn loài theo hàng với tỷ lệ 1: 1 (trồng 01 hàng Lim xanh - 01 hàng Giổi ăn hạt xen kẽ nhau theo đường đồng mức; trên mỗi băng chặt trồng 02 hàng cây theo hình nanh sấu).

- Phương pháp trồng: Trồng rừng bằng phương pháp thủ công, sử dụng cây con có bầu.

- Kỹ thuật trồng: Trồng trong khoảng thời gian từ tháng 9 - tháng 12, chọn ngày râm mát hoặc có mưa nhỏ, đất ẩm, làm tơi đất trong hố, đào lỗ giữa hố có kích thước đủ để đặt bầu. Rạch vỏ bầu, để cây ngay ngắn giữa hố, bầu và cây thẳng đứng sao cho mặt bầu thấp hơn mặt đất tự nhiên quanh hố từ 1 - 2 cm, lấp đất lên chặt xung quanh gốc cây từ dưới lên trên, lấp trên cổ rễ 2 cm, vun thành hình mâm xôi, mặt đất trong hố phải cao hơn mặt đất tự nhiên từ 3 - 5 cm. Cây trồng còn nguyên đất bầu, không bị cong rễ, không bị nghiêng. Sau khi trồng 10 - 15 ngày tiến hành kiểm tra để tra dặm cây chết, cây ngã, gãy để đảm bảo mật độ trồng ban đầu (tỷ lệ trồng dặm bình quân 10% so với mật độ thiết kế).

- Tiêu chuẩn cây con trồng rừng:

+ Cây con được tạo trong túi bầu PE và được nuôi dưỡng trong vườn ươm.

+ Kích thước cây con trồng rừng: Cây Lim xanh có chiều cao vút ngọn (Hvn) từ 50 cm đến 60 cm, đường kính cổ rễ (Dcr) $\geq 0,8$ cm; cây Giổi ăn hạt có chiều cao vút ngọn (Hvn) tối thiểu từ 40 cm đến 50 cm, đường kính cổ rễ (Dcr) $> 0,4$ cm.

+ Cây sinh trưởng, phát triển tốt, không cong queo, sâu bệnh, cụt ngọn, vỡ bầu; cây có bộ rễ phát triển tốt, lá không bị vàng úa.

+ Cây con đảm bảo chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp theo quy định.

5.2. Kỹ thuật chăm sóc rừng trồng

Rừng trồng được chăm sóc liên tục trong 4 năm, với số lần chăm sóc cho các năm 3-3-2-1, cụ thể:

a) Kỹ thuật chăm sóc rừng trồng năm thứ nhất và năm thứ hai: Số lần chăm sóc 03 lần/năm.

- Chăm sóc lần 1:

+ Thời gian thực hiện chăm sóc vào tháng tháng 3 - 4.

+ Nội dung công việc thực hiện chăm sóc: Phát dọn thực bì theo băng trồng, không chặt cây gỗ và cây tái sinh mục đích, cắt bỏ dây leo bu bám trên cây trồng.

- Chăm sóc lần 2:

+ Thời gian thực hiện chăm sóc vào tháng 7 - 8.

+ Nội dung công việc thực hiện chăm sóc: Phát dọn thực bì theo băng trồng, không chặt cây gỗ và cây tái sinh mục đích, cắt bỏ dây leo bu bám trên cây trồng.

- Chăm sóc lần 3:

+ Thời gian thực hiện chăm sóc vào tháng 10 - 11.

+ Nội dung công việc thực hiện chăm sóc: Phát dọn thực bì theo băng trồng, không chặt cây gỗ và cây tái sinh mục đích, cắt bỏ dây leo bu bám trên cây trồng, dây cỏ và cuốc thực quanh gốc cây với đường kính từ 0,8 đến 1,0 m. Riêng chăm sóc lần 3 năm thứ nhất tiến hành bón phân, tra dặm cây chết cho đạt mật độ thiết kế ban đầu.

b) Kỹ thuật chăm sóc rừng trồng năm thứ ba: Số lần chăm sóc 02 lần/năm.

- Chăm sóc lần 1:

+ Thời gian thực hiện chăm sóc vào tháng tháng 4 - 6.

+ Nội dung công việc thực hiện chăm sóc: Phát dọn thực bì theo băng trồng, không chặt cây gỗ và cây tái sinh mục đích, cắt bỏ dây leo bu bám trên cây trồng.

- Chăm sóc lần 2:

+ Thời gian thực hiện chăm sóc vào tháng 10 - 11.

+ Nội dung công việc thực hiện chăm sóc: Phát dọn thực bì theo băng trồng, không chặt cây gỗ và cây tái sinh mục đích, cắt bỏ dây leo bu bám trên cây trồng, dây cỏ và cuốc thực quanh gốc cây với đường kính từ 0,8 đến 1,0 m.

c) Kỹ thuật chăm sóc năm thứ tư: Số lần chăm sóc 1 lần/năm.

- Thời gian thực hiện chăm sóc vào tháng 8 - 10.

- Nội dung công việc thực hiện chăm sóc: Phát dọn thực bì theo băng trồng, không chặt cây gỗ và cây tái sinh mục đích, cắt bỏ dây leo bu bám trên cây trồng, dây cỏ và cuốc thực quanh gốc cây với đường kính từ 0,8 đến 1,0 m.

6. Dự toán và nguồn vốn đầu tư

6.1. Dự toán

Tổng mức đầu tư dự án làm tròn số là 1.275.438.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng*), trong đó:

- Chi phí xây dựng: 1.035.039.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 31.051.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 64.752.000 đồng;
- Chi phí khác: 25.848.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 118.748.000 đồng.

(*Đính kèm biểu dự toán chi tiết*)

6.2. Nguồn vốn đầu tư

Sử dụng nguồn vốn trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang xây dựng dự án Trạm cắt 220 kV Đăk Ooc và các đường dây 220 kV đấu nối Nhà máy thủy điện Nam Emoun (Lào) vào hệ thống điện Việt Nam tại huyện Nam Giang.

7. Thời gian, tiến độ thực hiện

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2024 đến năm 2028.
- Tiến độ thực hiện:
 - + Năm 2024: Trồng rừng.
 - + Năm 2025: Chăm sóc rừng trồng năm thứ nhất.
 - + Năm 2026: Chăm sóc rừng trồng năm thứ hai.
 - + Năm 2027: Chăm sóc rừng trồng năm thứ ba.
 - + Năm 2028: Chăm sóc rừng trồng năm thứ tư.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày phê duyệt thiết kế - dự toán công trình Trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang xây dựng dự án Trạm cắt 220 kV Đăk Ooc và các đường dây 220 kV đấu nối Nhà máy thủy điện Nam Emoun (Lào) vào hệ thống điện Việt Nam tại huyện Nam Giang, Ban Quản lý dự án Điện 2 có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền 1.275.438.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng*) về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh để thực hiện việc trồng rừng thay thế (theo điểm d khoản 5 Điều 4 Thông tư số 25/2022/TT-BNN&PTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

2. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý nguồn kinh phí trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang xây dựng dự án Trạm cắt 220 kV Đăk Ooc và các đường dây 220 kV đấu nối Nhà máy thủy điện Nam Emoun (Lào) vào hệ thống điện Việt Nam tại huyện Nam Giang đúng quy định, giải ngân kinh phí thực hiện trồng rừng thay thế theo đúng tiến độ thực hiện và quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Nam Giang có trách nhiệm lập đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo đúng quy định, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt để triển khai thực hiện trồng rừng thay thế trên địa bàn huyện Nam Giang với tổng diện tích là 7,186 ha, tương ứng với tổng mức đầu tư là 1.275.438.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng*).

4. Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, đôn đốc các Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Nam Giang lập các hồ sơ, thủ tục liên quan; tham mưu UBND tỉnh phê duyệt hồ sơ đảm bảo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Nam Giang; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Giám đốc Ban Quản lý dự án Điện 2; Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Nam Giang và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTN.(Tài)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu